

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 03- 9- 2025  
V/v “Tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- T**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú, ông Trần Văn Thành.  
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Cường- Thư ký Toà án nhân dân khu  
vực 6- T.  
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 tham gia phiên toà: Bà Đinh  
Thị Hoài Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025. Tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6- T, xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng  
6 năm 2025 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” Theo Quyết định đưa vụ  
án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương  
sự:

- 1- Nguyên đơn: Chị H T D, sinh năm 1994  
Địa chỉ: Khu Đ, xã S, huyện L (Nay là khu Đàng, xã S), tỉnh T.  
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thắm,  
trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.
- 2- Bị đơn: Anh k, sinh năm 1986  
Địa chỉ: Khu Đàng, xã S, huyện L (Nay là Khu Đàng, xã S), tỉnh T.  
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Đỗ Hồng Nhung-  
Trợ giúp viên pháp lý- trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.  
(Chị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Khi vắng mặt lần thứ hai  
không có lý do, bà Thắm, bà Nhung đều có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Về quan hệ hôn nhân:  
+ Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2025 và bản tự khai ngày 20/6/2025, và biên  
bản hòa giải nguyên đơn chị H T D trình bày: Chị và anh k tự nguyện đăng ký  
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh T (Nay là xã S, tỉnh T) ngày  
15/8/2011. Quá trình chung sống sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung  
sống hòa thuận đến cuối năm 2022 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.  
Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ quan điểm sống, anh Khi và gia đình  
nhà chồng không quan tâm gì đến chị D khi chị ốm đau, vợ chồng không có tiếng  
nói chung, không hòa hợp, cãi chửi, không tôn trọng nhau. Hai vợ chồng không  
khắc phục được mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, không

ai quan tâm đến nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

+ Bị đơn anh K trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải như sau: anh xác nhận về việc đăng ký kết hôn, như chị D trình bày là đúng. Thời điểm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cũng như chị D trình bày tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị D đi làm ăn xa, không còn chung thủy với anh. Việc anh mắng chửi, doạ nạt chị D chỉ là dạy bảo chứ không có mục đích gì. Nay chị D xin ly hôn anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị D, đồng thời con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của bố mẹ.

- Về con chung: chị D và anh Khi đều xác nhận anh chị có 02 con chung là: Đ N V sinh ngày 02/04/2014; Đ N V sinh ngày 22/6/2016. Hiện nay hai con chung đều đang ở với anh Khi.

Quá trình giải quyết vụ án anh Khi và chị D đều có quan điểm: nếu ly hôn anh Khi là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung từ khi ly hôn đến lúc trưởng thành. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Khi do anh Khi tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Hai bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh Khi. Đại diện chính quyền địa phương xã S, tỉnh T đã xác nhận: Chị D và anh Khi có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ để anh Khi khu Đảng xã S. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh chị đã sống ly thân chính quyền địa phương và khu dân cư nắm được nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và chị D đi làm ăn xa thiếu quan tâm đến chồng con.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Khi vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị D, anh Khi là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Đề nghị Hội đồng xét xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị H T D được ly hôn anh k.

[2]. Về con chung: giao cho anh Khi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Đ N V, sinh ngày 02/4/2014 và Đ N V, sinh ngày 22/6/2016, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Khi tự nguyện không yêu cầu.

Chị D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2]. Về án phí: Chị D là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho chị D theo quy định của pháp luật.

*\* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị H T D xin ly hôn với bị đơn anh k đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Do các bên đều có quan điểm giao con chung cho anh Khi. Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh Khi theo quan điểm của các đương sự.

+ Về án phí: Chị H T D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho chị D.

*\* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Do các bên đều có quan điểm giao con chung cho anh Khi. Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh Khi theo quan điểm của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị H T D và anh k là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh Khi có nơi cư trú tại xã S, huyện L (nay là xã S), tỉnh T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự

Quá trình giải quyết xét xử, nguyên đơn chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Khi vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H T D và anh k đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa chị D và anh Khi có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chị D và anh Khi đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan

tâm đến nhau, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị D xin ly hôn là có căn cứ. Anh Khi không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ nhưng quá trình vợ chồng sống ly thân anh không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nên việc anh Khi xin đoàn tụ là chưa thật tâm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Khi.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, hiện nay đang ở với anh Khi. Quá trình giải quyết vụ án, chị D, anh Khi đều có quan điểm để hai con chung là Đ N V, sinh ngày 02/4/2014 và Đ N V, sinh ngày 22/6/2016 cho anh Khi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Khi tự nguyện không yêu cầu. Cháu Vũ và cháu Vân cũng đều có ý kiến xin ở với anh Khi nên cần giao con chung cho anh Khi chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Quá trình giải quyết chị D, anh Khi đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H T D là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho chị D theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Điều 26 luật Thi hành án dân sự.

### **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H T D được ly hôn anh k.

[2]. Về con chung: Giao cho anh k trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Đ N V, sinh ngày 02/4/2014 và Đ N V, sinh ngày 22/6/2016, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Khi tự nguyện không yêu cầu.

Chị D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị H T D được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án*

*dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo đề yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- UBND xã S;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Thảo**

